BỘ CÔNG AN
TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4337 /TB-TTDLQG-P4

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 10919
Ngày: 15/10/2026
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT L.T.Kiên		X
PCT Đ.T.Đức		X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân		X
PCT H.M.Cường	X	
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiện	X	
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KTGS		
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCC	X	
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

THÔNG BÁO

Kết luận của đồng chí Đại tá Nguyễn Thành Vĩnh, Phó Giám đốc Trung tâm Dữ liệu quốc gia tại cuộc họp về tạo lập, kết nối cơ sở dữ liệu, cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Thực hiện Nghị quyết 57 của Trung ương, Nghị quyết 66.7 của Chính phủ về rà soát, cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ. Căn cứ công văn số 5184/CQTT ngày 28/9/2026 về phối hợp triển khai các nhiệm vụ rà soát, cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Ngày 07/10/2026, tại trụ sở Bộ Công an số 47 Phạm Văn Đồng, Phú Diễn, Hà Nội, Trung tâm Dữ liệu quốc gia tổ chức cuộc họp rà soát với Đại diện Lãnh đạo các đơn vị nghiệp vụ của 16 Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ[1]; 04 đơn vị Cục nghiệp vụ Bộ Công an[2] và 06 Doanh nghiệp xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ[3]. Nhằm đảm bảo thống nhất việc triển khai các nhiệm vụ về báo cáo, thống kê; cắt giảm thủ tục hành chính (TTHC); khai thác, tái sử dụng dữ liệu trong kho giấy tờ cá nhân, Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12) đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện các nội dung sau:

I. Kết quả vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia (từ ngày 29/5/2026 đến ngày 06/10/2026)

1. Về hạ tầng hệ thống: Hệ thống tiếp tục được theo dõi, chưa ghi nhận thông tin về sự cố lớn ảnh hưởng tổng thể đến vận hành.

2. Về hồ sơ: Hệ thống đã tiếp nhận **30.351.404** hồ sơ.

3. Về thanh toán: Từ ngày 29/5/2026 đến ngày 06/10/2026tổng số giao dịch thành công là **9.247.056** giao dịch, với tổng số tiền thành công **3.273.144.177.230** đồng; tổng số **9.238.108** giao dịch quyết toán là giao dịch, với tổng số tiền quyết toán **3.269.494.719.793** đồng; còn **8.948** giao dịch chưa quyết toán, với tổng số tiền **3.649.457.437** đồng.

4. Về phản ánh, kiến nghị: Tính từ ngày 29/5/2026 đến ngày 06/10/2026, Hệ thống ghi nhận **45.439** PAKN. Trong đó: Đã công khai **18.733** PAKN, chiếm **41,2%**; Từ chối tiếp nhận 9.818 PAKN, chiếm **21,6%**; Chờ tiếp nhận **4.772** PAKN, chiếm **10,5%**; Đang xử lý **4.662** PAKN, chiếm **10,3%**; Huỷ PAKN **3.336** PAKN, chiếm **7,3%**; Chờ bổ sung thông tin **1.575** PAKN, chiếm **3,5%**; Chờ công khai **1.221** PAKN, chiếm **2,7%**; Chờ rút kiến nghị **932** PAKN, chiếm **2,1%**; Bị trả

[1] Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chính phủ.

[2] C06, V01, V03, V06.

[3] VNPT, FPT, DTT, Mobifone, GTINX, Viettel.

lại **307** PAKN, chiếm **0,7**%; và Thu hồi công khai **83** PAKN, chiếm **0,2**%. Tổng số PAKN ở trạng thái "Chờ tiếp nhận" là **4.772** PAKN. Trong đó, có **3.665** PAKN chờ tiếp nhận trên 07 ngày, chiếm **76,8**% số PAKN chờ tiếp nhận và chiếm **8,1**% tổng số PAKN trên Hệ thống. Các bộ, ngành, cơ quan có nhiều PAKN ở trạng thái "Chờ tiếp nhận" gồm: Bộ Công an (**2.330** PAKN); Văn phòng Chính phủ (**1.294** PAKN); Bộ Xây dựng (Giao thông vận tải cũ) (**114** PAKN); Bộ Tài chính (**78** PAKN); Tòa án nhân dân (**66** PAKN); Bộ Tư pháp (**66** PAKN). Các UBND có nhiều PAKN ở trạng thái "Chờ tiếp nhận" gồm: UBND Thành phố Hồ Chí Minh (**403** PAKN); UBND Thành phố Hà Nội (**34** PAKN); UBND tỉnh Ninh Bình (**12** PAKN); UBND tỉnh Khánh Hòa (**10** PAKN); UBND tỉnh Vĩnh Long (**5** PAKN); UBND phường Vĩnh Tuy (**5** PAKN); UBND tỉnh Sơn La (**4** PAKN); UBND tỉnh Điện Biên (**4** PAKN); UBND thành phố Quảng Ninh (**3** PAKN); UBND Thành phố Đà Nẵng (**3** PAKN).

5. Về tin nhắn SMS Brandname: Tính từ ngày 29/5/2026 đến 15h ngày 06/10/2026, hệ thống ghi nhận **30.963.308** yêu cầu gửi tin nhắn từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong đó **30.944.428** yêu cầu thành công, **18.880** yêu cầu thất bại. Hệ thống SMS xử lý **30.320.634** yêu cầu, đạt **97.98**% số lượng xử lý thành công..

6. Về tổng đài: Tính từ 22 giờ ngày 29/5/2026 đến 15 giờ ngày 06/10/2026, Tổng đài ghi nhận **228.372** cuộc gọi, tiếp nhận **147.676** cuộc, đã xử lý **141.546** nội dung, còn **3.364** nội dung đang tiếp tục xử lý. Tỉ lệ PAKN đã xử lý: **97,68**%.

Đánh giá: Cổng Dịch vụ công quốc gia tiếp tục được theo dõi, duy trì vận hành; khối lượng hồ sơ, thanh toán và yêu cầu hỗ trợ tiếp tục tăng. So với số liệu hồ sơ cập nhật đến ngày 02/10/2026, số hồ sơ tăng **727.030** hồ sơ. So với số liệu thanh toán đến ngày 30/9/2026, giao dịch thành công tăng **411.493** giao dịch; số giao dịch chưa quyết toán tăng **319** giao dịch, số tiền chưa quyết toán tăng **76.255.000** đồng. Số giao dịch chưa quyết toán cần được đối soát theo kỳ, thời điểm và nguyên nhân, chưa đủ căn cứ xác định toàn bộ là giao dịch lỗi hoặc quá hạn quyết toán. So với số liệu PAKN đến 15 giờ ngày 01/10/2026, tổng số PAKN tăng **1.792**; số đã công khai tăng **1.010**; số chờ tiếp nhận tăng **474**; số chờ tiếp nhận trên 07 ngày tăng **360**. Mặc dù tỷ lệ chờ tiếp nhận trên 07 ngày trong số PAKN chờ tiếp nhận giảm từ **76,9**% xuống **76,8**%, số lượng tuyệt đối vẫn tăng; cần tập trung rà soát, tiếp nhận, phân loại và xử lý theo thẩm quyền, đồng thời đối chiếu tình trạng thực tế trên hệ thống của từng cơ quan.

II. Về triển khai thực hiện 82 nhóm thủ tục hành chính

1. Đối với Bộ Tài chính

(1) Cục Quản lý đấu thầu, Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và Kinh tế tập thể – Bộ Tài chính chủ trì khẩn trương phối hợp với C12, D01 hoàn thành kiểm thử đối với **03** nhóm TTHC[4] trên môi trường Cổng Dịch vụ công quốc gia chính thức và có biên bản xác nhận; đồng thời rà soát pháp lý công bố tái cấu trúc TTHC, đào tạo tập huấn cán bộ và đưa vào triển khai vận hành. ***Hoàn thành trước***

---

[4] **Cục Quản lý Đấu thầu**: (1) Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; **Cục Phát triển Doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể:** (2) Cục Liên thông nhóm thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh và Đăng ký thuế, (3) Nhóm thủ tục Đăng ký thành lập hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã và đăng ký thuế;

15/10/2026.

(2) Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ trì phối hợp với C12, D01 rà soát, hoàn thiện kiểm thử trên môi trường thử nghiệm và có biên bản chính thức đối với 06 nhóm TTHC[5]; phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ Bộ Y tế phương án sử dụng dữ liệu khám, chữa bệnh tại nguồn dữ liệu hiện có do các cơ sở khám, chữa bệnh gửi về hệ thống của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, đang được khai thác để xét duyệt chế độ; không chờ hoàn thành cơ sở dữ liệu khám, chữa bệnh của Bộ Y tế. ***Hoàn thành trước 15/10/2026***.

(3) Cục Thuế - Bộ Tài chính chủ trì khẩn trương phối hợp với C12, D01 hoàn thành thống nhất biểu mẫu điện tử, tiến hành kiểm thử trên môi trường thử nghiệm và xác nhận bằng biên bản đối với 04 nhóm TTHC[6] chậm tiến độ tháng 9, cập nhật các biểu mẫu tờ khai theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; đồng thời triển khai phương án tăng luồng tích hợp, hoàn thiện API và đẩy nhanh việc đồng bộ dữ liệu về C12, bảo đảm dữ liệu được cập nhật kịp thời phục vụ khai thác, tự động điền thông tin trên eForm. D01, D02 tiếp tục hoàn thiện tích hợp eForm và hạ tầng kiểm thử, phối hợp kiểm thử, hoàn thiện các nội dung liên quan để đưa dịch vụ vào vận hành. ***Hoàn thành trong tháng 10/2026***.

2. Đối với Bộ Tư pháp: Cục Hành chính Tư pháp – Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với C12, D01 khẩn trương hoàn thiện thống nhất biểu mẫu điện tử đối với 02 nhóm TTHC *(gồm: (1) Thôi Quốc tịch Việt Nam và (2) Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân)*, tổ chức kiểm thử trên môi trường thử nghiệm và đưa vào vận hành chính thức. **Hoàn thành trong tháng 10/2026**.

3. Đối với Bộ Nội vụ

(1) Đề nghị Cục người có công - Bộ Nội vụ khắc phục tình trạng phản hồi chậm trong việc kiểm thử biểu mẫu điện tử trên môi trường thử nghiệm với C12, D01, khẩn trương bố trí cán bộ chuyên trách phối hợp kiểm thử biểu mẫu (Efom) đối với thủ tục "Thăm viếng mộ liệt sĩ", hoàn thiện kết nối, tích hợp, kiểm thử **trước ngày 15/10/2026**.

(2) Đối với 03 nhóm TTHC[7] về bảo hiểm thất nghiệp, thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng và chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp, đề nghị Cục Việc làm phối hợp với C12, D01 hoàn thành kiểm thử biểu mẫu điện tử trên môi trường thử nghiệm và xác nhận bằng biên bản; phối hợp thống nhất phương án với C12 đồng bộ CSDL người hưởng trợ cấp thất nghiệp và các đơn vị nghiệp vụ Bộ Y tế đối với CSDL đối tượng trợ giúp xã hội nhằm phục vụ điền tự động

---

[5] (1) Giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, trợ cấp dưỡng sức phục hồi sức khỏe; (2) Giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần (không bao gồm đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng quản lý); (3) Đăng ký, điều chỉnh đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN, cấp sổ BHXH, thẻ BHYT; (4) Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH, thẻ BHYT; (5) Chuyển nơi hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội; (6) Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã.

[6] (1) Đăng ký thuế lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân; (2) Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân (Tiện ích thanh toán trực tuyến); (3) Thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính nộp thuế, lệ phí trước bạ đối với hợp tác xã, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai (Tiện ích thanh toán trực tuyến); (4) Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công.

[7] (1) Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp; (2) Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng; (3) Nhóm thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi – chuyển đến);

biểu mẫu điện tử. **Hoàn thành trong tháng 10/2026**.

Đối với nhóm TTHC "Liên thông cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và cấp phiếu lý lịch tư pháp", đề nghị Cục Việc làm phối hợp với C12, V06, D01 và các đơn vị liên quan tiếp tục hoàn thiện thống nhất biểu mẫu và phương thức khai thác thông tin lý lịch tư pháp theo hướng tra cứu phù hợp với Luật Lý lịch tư pháp sửa đổi số 107/2025/QH15, khẩn trương đưa vào vận hành **trong tháng 10/2026**.

4. Đối với Bộ Nông nghiệp và Môi trường

(1) Cục Biển và Hải đảo Việt Nam chủ trì phối hợp với C12, D01 rà soát, xác nhận kết quả kiểm thử trên môi trường thử nghiệm đối với TTHC "Nhóm thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển để nhận chìm"; hoàn thiện thủ tục công bố, đưa vào vận hành chính thức. **Hoàn thành trước 15/10/2026**.

(2) Đối với 03 nhóm TTHC về đất đai[8], đề nghị Cục Quản lý đất đai, Cục Chuyển đổi số - Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan thống nhất hướng triển khai khung chung về danh mục thủ tục, thành phần hồ sơ, biểu mẫu điện tử và mã thủ tục để thực hiện thống nhất; việc phân cấp, phân công cơ quan xử lý, quy trình nội bộ tại địa phương được cấu hình trên hệ thống theo quyết định của địa phương, phân định rõ yêu cầu quản lý nhà nước, thẩm quyền giải quyết với phương án tổ chức hệ thống kỹ thuật tập trung; tổ chức phối hợp rà soát, báo cáo Lãnh đạo Bộ để đề xuất Chính phủ ban hành nghị quyết tháo gỡ vướng mắc, cho phép triển khai khung TTHC *(mã TTHC, tên TTHC, Thành phần hồ sơ, Trình tự giải quyết, biểu mẫu, tờ khai, phí/lệ phí..)*, các địa phương sẽ ban hành quy trình thực hiện, phân cấp phân quyền cơ quan thực hiện theo đặc thù của từng địa phương, **hoàn thành trong trước ngày 15/10/2026.**

***5. Đối với Bộ Y tế*:** Đề nghị Trung tâm thông tin y tế quốc gia - Bộ Y tế phối hợp với C12, D01 hoàn thành kiểm thử trên môi trường chính thức đối với 04 nhóm TTHC[9]; hoàn thiện kết nối hệ thống, đồng bộ trạng thái đúng theo thời

---

[8] (1) Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm (Mã TT: 1.013831); (2) Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Mã TT: 1.013980); (3) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TT: 1.012781)

[9] (1) Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng; (2) Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật; (3) Nhóm thủ tục cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh/giấy phép hành nghề dược; (4) Nhóm thủ tục cấp Giấy tiếp nhận bản

gian thực; phối hợp với các đơn vị Bộ Y tế làm rõ tiến độ, khả năng cung cấp các cơ sở dữ liệu về đối tượng trợ giúp xã hội, người khuyết tật, nhân lực y tế, khám, chữa bệnh và an toàn thực phẩm; xác định thời điểm có dữ liệu đủ điều kiện khai thác để đưa từng nhóm vào vận hành. **Hoàn thành trước 15/10/2026**.

6. Đối với Tòa án nhân dân tối cao: Đề nghị Cục CNTT - Tòa án nhân dân tối cao bố trí cán bộ kỹ thuật phối hợp với C12, D01 hoàn thành kiểm thử biểu mẫu trên môi trường thử nghiệm đối với TTHC "Nhóm nộp đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và nhận văn bản, thông báo tố tụng", rà soát pháp lý công bố TTHC và khẩn trương đưa vào vận hành chính thức; phối hợp với C12, D01 cấu hình chức năng ký số đối với đơn, tài liệu, chứng cứ đính kèm theo yêu cầu nghiệp vụ, bảo đảm tính pháp lý của hồ sơ vụ án; **hoàn thành các nội dung nêu trước ngày 15/10/2026**.

7. Đối với Bộ Giáo dục đào tạo: Đề nghị Văn phòng Bộ - Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với C12, D01, D02 và các đơn vị liên quan của Bộ giáo dục và đào tạo đẩy tiến độ hoàn thiện kiểm thử biểu mẫu điện tử và có biên bản xác nhận đối với 06 nhóm TTHC[10], khẩn trương tích hợp, kiểm thử, công bố và vận hành các nhóm TTHC **trong tháng 10/2026**.

III. Về rà soát, xác nhận, tái cấu trúc quy trình, biểu mẫu điện tử để cắt giảm thành phần hồ sơ, tối ưu hóa biểu mẫu

1. Về rà soát, tái cấu trúc TTHC và phân loại các trường thông tin

1.1. Hiện trạng: C12 đã chủ động rà soát, xác định biểu mẫu kê khai của **1.590** TTHC yêu cầu phải nhập thông tin Email, ngày cấp CCCD thuộc trách nhiệm của **11** bộ, ngành. Trong đó, **1.586** TTHC có trường thư điện tử (email), gồm **294** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **802** TTHC có trường ngày cấp căn cước/căn cước công dân, gồm **47** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **1.559** TTHC có trường số điện thoại, gồm **1.324** TTHC bắt buộc. Đối với trường thông tin ngày cấp, nơi cấp Căn cước đã được áp dụng thống nhất trên toàn quốc và là thông tin bắt buộc để có thể đăng nhập được VNeID để thực hiện dịch vụ công trực tuyến; Trường thông tin Email và Số điện thoại nhiều trường hợp không bắt buộc nhưng vẫn có trong biểu mẫu kê khai dẫn đến người dân, doanh nghiệp vẫn cung cấp làm phát sinh nội dung kê khai, tăng thời gian thực hiện TTHC nhưng không phục vụ trực tiếp yêu cầu nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính.

---

công bố hợp quy/cấp Giấy xác nhận công bố phù hợp/đăng ký bản công bố sản phẩm – xác nhận nội dung quảng cáo/đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

[10] (1) Nhóm thủ tục hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo/trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; (2) Công nhận bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam;(3) Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam; (4) Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông/xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học; (5) Nhóm thủ tục hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người/xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh/đề nghị miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; (6) Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng

- ***Bộ Công Thương:*** **251** TTHC có trường thư điện tử (email), gồm **07** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **251** TTHC có trường ngày cấp căn cước/căn cước công dân, gồm **05** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **251** TTHC có trường số điện thoại, gồm **250** TTHC quy định bắt buộc kê khai.

- ***Bộ Giáo dục và Đào tạo:*** **67** TTHC có trường thư điện tử (email), gồm **03** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **71** TTHC có trường số điện thoại, gồm **67** TTHC quy định bắt buộc kê khai.

- ***Bộ Khoa học và Công nghệ:*** **295** TTHC có trường thư điện tử (email), gồm **38** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **282** TTHC có trường ngày cấp căn cước/căn cước công dân, gồm **01** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **294** TTHC có trường số điện thoại, gồm **291** TTHC quy định bắt buộc kê khai.

- ***Bộ Ngoại giao:*** 10 TTHC có trường thư điện tử (email), cả **10** TTHC đều quy định bắt buộc kê khai; **03** TTHC có trường ngày cấp căn cước/căn cước công dân, không có TTHC nào quy định bắt buộc kê khai; 10 TTHC có trường số điện thoại, cả **10** TTHC đều quy định bắt buộc kê khai.

- ***Bộ Nội vụ:*** **90** TTHC có trường thư điện tử (email), gồm **08** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **05** TTHC có trường ngày cấp căn cước/căn cước công dân, gồm **01** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **88** TTHC có trường số điện thoại, gồm **85** TTHC quy định bắt buộc kê khai.

- ***Bộ Nông nghiệp và Môi trường:*** **288** TTHC có trường thư điện tử (email), không có TTHC nào quy định bắt buộc kê khai; **25** TTHC có trường ngày cấp căn cước/căn cước công dân, không có TTHC nào quy định bắt buộc kê khai; **288** TTHC có trường số điện thoại, gồm **102** TTHC quy định bắt buộc kê khai.

- ***Bộ Quốc phòng:*** **51** TTHC có trường thư điện tử (email), gồm **49** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **22** TTHC có trường ngày cấp căn cước/căn cước công dân, không có TTHC nào quy định bắt buộc kê khai; **25** TTHC có trường số điện thoại, gồm **03** TTHC quy định bắt buộc kê khai.

- ***Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:*** **198** TTHC có trường thư điện tử (email), gồm **174** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **192** TTHC có trường ngày cấp căn cước/căn cước công dân, gồm **36** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **198** TTHC có trường số điện thoại, cả **198** TTHC đều quy định bắt buộc kê khai.

- ***Bộ Tư pháp:*** **01** TTHC có trường thư điện tử (email), không quy định bắt buộc kê khai; **01** TTHC có trường ngày cấp căn cước/căn cước công dân và quy định bắt buộc kê khai; **01** TTHC có trường số điện thoại và quy định bắt buộc kê khai.

- ***Bộ Xây dựng:*** **196** TTHC có trường thư điện tử (email), gồm **03** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **08** TTHC có trường ngày cấp căn cước/căn cước công dân, gồm **01** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **196** TTHC có trường số điện thoại, gồm **184** TTHC quy định bắt buộc kê khai.

- ***Bộ Y tế:*** **139** TTHC có trường thư điện tử (email), gồm **02** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **13** TTHC có trường ngày cấp căn cước/căn cước công dân,

gồm **02** TTHC quy định bắt buộc kê khai; **137** TTHC có trường số điện thoại, gồm **133** TTHC quy định bắt buộc kê khai.

1.2. Giải pháp:

- Đề nghị các đơn vị nghiệp vụ thuộc **11** bộ, ngành *(gồm: Bộ Công Thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Ngoại giao; Bộ Nội vụ; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Quốc phòng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tư pháp; Bộ Xây dựng; Bộ Y tế)* khẩn trương rà soát, cắt giảm các trường thông tin không cần thiết trong biểu mẫu, trước mắt tập trung vào việc cắt giảm email, ngày cấp căn cước/CCCD, đảm bảo biểu mẫu điện tử chỉ yêu cầu cung cấp các trường thông tin phục vụ giải quyết nghiệp vụ của TTHC. Các trường thông tin trong tờ khai đính kèm thành phần hồ sơ yêu cầu chuẩn hoá, đưa vào biểu mẫu điện tử mà không yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải đính kèm. Việc này đảm bảo tự động điền dữ liệu sẵn có và thuận lợi trong việc cập nhật các Cơ sở dữ liệu *(Chi tiết tại Phụ lục 1: Chi tiết số liệu các biểu mẫu kê khai yêu cầu phải nhập trường thông tin)*.

- Đề nghị C06 chủ trì nghiên cứu cơ chế chia sẻ tự động dữ liệu từ VNeID đối với trường thông tin số điện thoại. Đối với ngày cấp căn cước, phải rà soát sự cần thiết của trường thông tin khi đã sử dụng định danh điện tử. Phương án lấy dữ liệu tự động để xử lý trước mắt không thay thế trách nhiệm rà soát, đề xuất loại bỏ thông tin không còn cần thiết. Trường hợp biểu mẫu còn được quy định trong văn bản phải sửa đổi, đơn vị chủ quản xác định cụ thể nội dung, thẩm quyền và lộ trình sửa đổi; không chỉ ẩn trường trên hệ thống khi chưa làm rõ yêu cầu nghiệp vụ, pháp lý.

- Các đơn vị Bộ, ngành gửi kết quả rà soát, phân loại và đề xuất lộ trình tái cấu trúc về C12 **trước ngày 15/10/2026**. Nội dung đủ điều kiện thì chủ động điều chỉnh, triển khai; nội dung vướng quy định phải trao đổi rõ với C12 để thống nhất phương án, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

2. Về việc cắt giảm TTHC, TPHS

2.1. Hiện trạng:

- Theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP: Đến nay vẫn còn **04** TTHC chưa hoàn thành, thuộc trách nhiệm của: Bộ Nông nghiệp và Môi trường **01** TTHC, Bộ Ngoại giao **03** TTHC[11].

- Đối với 634 TTHC theo Công văn số 3666/BCA-C12 ngày 16/7/2026: Qua kết quả rà soát, báo cáo của các bộ, ngành, cơ quan thường trực, tính đến thời điểm báo cáo có **173** TTHC đã cắt giảm, **108** TTHC bãi bỏ, **143** TTHC đề xuất chưa cắt giảm, **16** TTHC thuộc nhóm khác; còn **194** TTHC chưa thực hiện cắt giảm, thuộc trách nhiệm của **10/16** bộ, ngành, cơ quan. Cụ thể:

---

[11] ***Bộ Nông nghiệp và Môi trường:*** Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y (1.003462) (đề xuất đưa ra khỏi danh mục do đang dự kiến bãi bỏ); ***Bộ Ngoại giao:*** Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa các công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài với nhau (1.001121); Thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông (không gắn chip điện tử) tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (1.010094); Thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (2.000785);

(1) **Bộ Công an** có **72** TTHC với **98** TPHS: đã cắt giảm **04** TTHC; bãi bỏ **21** TTHC; chưa cắt giảm **16** TTHC; đề xuất chưa cắt giảm **20** TTHC do không phù hợp với quy định hiện hành, không thể thay thế, cắt giảm hoặc chưa có đề xuất sửa đổi, bổ sung cụ thể; **11** TTHC thuộc nhóm khác, bao gồm các trường hợp: chưa thực hiện dịch vụ công trực tuyến, cần cập nhật lại, đã chuyển Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện, chưa có phản hồi.

(2) **Bộ Công Thương** có **34** TTHC với **45** TPHS: đã cắt giảm **11** TTHC; bãi bỏ **09** TTHC; đề xuất chưa cắt giảm **14** TTHC do chưa có dữ liệu.

(3) **Bộ Dân tộc và Tôn giáo** có **01** TTHC với **01** TPHS: đề xuất chưa cắt giảm do chưa có dữ liệu (văn bằng do cơ sở đào tạo tôn giáo cấp, không thuộc hệ thống giáo dục quốc dân).

(4) **Bộ Giáo dục và Đào tạo** có **36** TTHC với **48** TPHS: đã cắt giảm **06** TTHC; bãi bỏ **15** TTHC; chưa cắt giảm **12** TTHC; đề xuất chưa cắt giảm **03** TTHC do chưa có dữ liệu (văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp).

(5) **Bộ Khoa học và Công nghệ** có **15** TTHC với **15** TPHS: bãi bỏ **08** TTHC; chưa cắt giảm **04** TTHC; phân cấp **03** TTHC về địa phương.

(6) **Bộ Ngoại giao** có **18** TTHC với **23** TPHS: chưa cắt giảm **15** TTHC; đề xuất chưa cắt giảm **03** TTHC do thành phần hồ sơ yêu cầu chứng minh thư ngoại giao do Bộ Ngoại giao cấp, chưa có dữ liệu.

(7) **Bộ Nội vụ** có **46** TTHC với **53** TPHS: đã cắt giảm **11** TTHC; bãi bỏ **05** TTHC; chưa cắt giảm **11** TTHC (trong đó có 06 TTHC Bộ Nội vụ công khai nhưng do Bảo hiểm xã hội Việt Nam cung cấp dịch vụ công trên CSDL của ngành Bảo hiểm và 05 TTHC đang phối hợp với các Bộ, ngành có CSDL liên quan để lấy dữ liệu thực hiện tái cấu trúc); đề xuất không cắt giảm **17** TTHC do chưa có dữ liệu lý lịch cán bộ, đảng viên thời kỳ cách mạng hoặc TPHS là văn bằng, chứng chỉ nước ngoài; **02** TTHC đã đưa về TTHC nội bộ.

(8) **Bộ Nông nghiệp và Môi trường** có **49** TTHC với **53** TPHS: đã cắt giảm **08** TTHC; bãi bỏ **15** TTHC; chưa cắt giảm **24** TTHC; đề xuất chưa cắt giảm **02** TTHC do chưa có dữ liệu giấy tờ do cơ quan nước ngoài cấp hoặc TPHS chỉ yêu cầu thông tin thường trú.

(9) **Bộ Quốc phòng** có **45** TTHC với **66** TPHS: đã cắt giảm **04** TTHC; bãi bỏ **05** TTHC; đề xuất chưa cắt giảm **36** TTHC do chưa có dữ liệu hoặc dữ liệu thuộc danh mục mật.

(10) **Bộ Tài chính** có **152** TTHC với **213** TPHS: đã cắt giảm **37** TTHC; bãi bỏ **16** TTHC; chưa cắt giảm **72** TTHC; đề xuất chưa cắt giảm **27** TTHC do trong TTHC không có TPHS, giấy tờ do cơ quan nước ngoài cấp, hoặc TPHS yêu cầu chứng minh thư ngoại giao do Bộ Ngoại giao cấp, chưa có dữ liệu.

(11) **Bộ Tư pháp** có **35** TTHC với **72** TPHS: đã cắt giảm **26** TTHC (trong đó có **02** TTHC mỗi TTHC có **01** TPHS đề xuất chưa cắt giảm); đề xuất chưa cắt giảm **09** TTHC do chưa có dữ liệu giấy tờ của cơ quan nước ngoài cấp.

(12) **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch** có **31** TTHC với **34** TPHS: đã cắt giảm **05** TTHC; bãi bỏ **08** TTHC; chưa cắt giảm **18** TTHC.

(13) **Bộ Xây dựng** có **58** TTHC với **66** TPHS: đã cắt giảm **24** TTHC; bãi bỏ **06** TTHC; chưa cắt giảm **21** TTHC; đề xuất chưa cắt giảm **07** TTHC do chưa có dữ liệu giấy tờ do cơ quan nước ngoài cấp.

(14) **Bộ Y tế** có **24** TTHC với **30** TPHS: đã cắt giảm **22** TTHC; đề xuất chưa cắt giảm **02** TTHC; đề xuất cắt giảm bổ sung **06** TTHC.

(15) **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** có **17** TTHC với **29** TPHS: đã cắt giảm **15** TTHC; đề xuất chưa cắt giảm **02** TTHC.

(16) **Tòa án nhân dân tối cao** có **01** TTHC với **01** TPHS, chưa thực hiện cắt giảm.

(Kèm theo Phụ lục 2:Tổng hợp kết quả rà soát theo công văn 3666/BCA-C12 và Phụ lục 3: Chi tiết các TPHS có thể cắt giảm)

- Ngoài ra, đến nay việc kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành và các CSDL cụ thể như sau: (1) ***Bộ Ngoại giao*** đã kết nối **02** CSDL: Dân cư và Hộ tịch điện tử; (2) ***Bộ Dân tộc và Tôn giáo*** đã kết nối **02** CSDL: Dân cư và Đất đai; (3) ***Bộ Công thương*** đã kết nối **02** CSDL: Dân cư và Đăng ký doanh nghiệp; (4) ***Bộ Nội vụ*** đã kết nối **05** CSDL: Dân cư, Hộ tịch điện tử, Đăng ký doanh nghiệp, Bảo hiểm xã hội, CSDL quốc gia về TTHC; (5) ***Bộ Tư pháp*** đã kết nối **05** CSDL: Dân cư, Hộ tịch điện tử, Đăng ký doanh nghiệp, Bảo hiểm xã hội, Đất đai; (6) ***Bộ Khoa học và Công nghệ*** đã kết nối **02** CSDL: Dân cư và Đăng ký doanh nghiệp; (7) ***Bộ Nông nghiệp và Môi trường*** đã kết nối **06** CSDL: Dân cư, Đăng ký doanh nghiệp, Bảo hiểm xã hội, Đất đai, Học bạ văn bằng chứng chỉ số, Tàu biển thuyền viên lĩnh vực hàng hải; (8) ***Bộ Quốc phòng*** đã kết nối **01** CSDL: Dân cư; (9) ***Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch*** đã kết nối **02** CSDL: Dân cư và Đăng ký doanh nghiệp; (10) ***Bộ Tài chính*** đã kết nối **03** CSDL: Dân cư, Hộ tịch điện tử, Đất đai; (11) ***Bộ Y tế*** đã kết nối **04** CSDL: Dân cư, Đăng ký doanh nghiệp, Đất đai, Hộ tịch điện tử; (12) ***Bộ Xây dựng*** đã kết nối **07** CSDL: Dân cư, Đăng ký doanh nghiệp, Đăng ký xe, Đất đai, Giấy phép lái xe, Đăng kiểm, Tàu biển và thuyền viên; (13) ***Bộ Giáo dục và Đào tạo*** đã kết nối **05** CSDL: Dân cư, Đăng ký doanh nghiệp, Đất đai, Hộ tịch điện tử, Quốc gia về giao dục và đào tạo; (14) ***Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*** đã kết nối **03** CSDL: Dân cư, Đăng ký doanh nghiệp, Đất đai.

***2.2. Giải pháp*:**

(1) Đề nghị các đơn vị Bộ, ngành khẩn trương tiếp tục rà soát, thực hiện cắt giảm thành phần hồ sơ đã có dữ liệu theo đề nghị của Bộ Công an, ***hoàn thành trước ngày 15/10/2026.***

(2) Đề nghị các bộ, ngành chủ động rà soát từng TTHC thuộc phạm vi quản lý để xác định cụ thể cần sử dụng dữ liệu nào, khai thác từ CSDL nào và thay thế được thành phần hồ sơ nào. Trên cơ sở đó, đối chiếu với dữ liệu hiện có, phối hợp với cơ quan chủ quản CSDL để bổ sung dữ liệu còn thiếu, hoàn thiện kết nối; đồng thời tái cấu trúc quy trình, biểu mẫu điện tử để khai thác dữ liệu thay thế giấy tờ người dân, doanh nghiệp phải nộp. Hoàn thành và gửi kết quả về C12 **trước ngày 15/10/2026**.

3. Về kho dữ liệu giấy tờ cá nhân

- Đề nghị các đơn vị bộ, ngành và doanh nghiệp đồng hành rà soát, phân loại rõ hệ thống đã kết nối phần mềm chuyên ngành, tạo lập và khai thác được dữ liệu với hệ thống mới lưu tệp kết quả điện tử, chưa hình thành dữ liệu có cấu trúc. Đối với đơn vị chưa có phần mềm chuyên ngành hoặc phát sinh ít giấy tờ, nghiên cứu phương án tổ chức kho dùng chung của Bộ, bảo đảm quản lý, cập nhật và khai thác; đánh giá nhu cầu, giá trị sử dụng và phương án chuyển đổi dữ liệu phù hợp.

- D01 chủ trì phối hợp với C12, các bộ, ngành, địa phương hoàn thiện luồng đồng bộ kết quả từ Cổng Dịch vụ công quốc gia về hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương; thống nhất thông tin, định dạng, phương thức đồng bộ, bảo đảm gắn đúng kết quả với cá nhân, tổ chức. Tổ chức kiểm thử, khắc phục lỗi, đồng bộ đầy đủ kết quả đã có và cập nhật kịp thời kết quả phát sinh mới; các bộ, ngành, địa phương phối hợp kiểm tra việc gửi, tiếp nhận và khai thác; phối hợp với các đơn vị làm rõ mô hình, vai trò và mối liên hệ giữa kho kết quả giải quyết thủ tục, kho dữ liệu giấy tờ cá nhân và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; thống nhất phương án để dữ liệu được tạo lập, cập nhật và tái sử dụng trong quá trình giải quyết thủ tục, hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại giấy tờ đã có dữ liệu điện tử. ***Hoàn thành trước ngày 15/10/2026***.

4. Về tái sử dụng kết quả giải quyết TTHC: Kết quả giải quyết TTHC mới chỉ được lưu trong kho giấy tờ cá nhân, chưa được tự động khai thác để tái sử dụng khi thực hiện các TTHC khác; thành phần hồ sơ chưa được chuẩn hoá, chưa được gắn mã tự động với kết quả giải quyết TTHC.

5. Về ký số trực tiếp trên hệ thống: Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành đều đã kết nối với nền tảng dịch vụ ký số của NEAC phục vụ doanh nghiệp ký số giấy tờ, biểu mẫu… trực tiếp khi nộp hồ sơ. Đối với công dân, theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP không yêu cầu người dân ký số biểu mẫu điện tử khi nộp hồ sơ trực tuyến. Tuy nhiên theo một số luật chuyên ngành vẫn yêu cầu người dân phải ký số tờ khai, biểu mẫu (Ví dụ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao quy định việc sử dụng hình thức xác nhận khác không phải là chữ ký điện tử phải đáp ứng điều kiện tương ứng với loại giao dịch và được thực hiện theo Quy chế do Tòa án nhân dân tối cao ban hành).

IV. Về việc đồng bộ hồ sơ và Bộ Chỉ số 766

1. Về việc thống nhất ma trận đồng bộ trạng thái và cập nhật ngày hẹn trả

- Các Bộ, ngành và doanh nghiệp đồng hành thực hiện điều chỉnh hệ thống, đồng bộ đúng ma trận trạng thái được điều chỉnh *(Kèm theo Phụ lục 4: Quy tắc chuyển trạng thái hồ sơ và danh sách API đồng bộ hồ sơ)* bảo đảm cập nhật đầy đủ thời điểm tiếp nhận, ngày hẹn trả và các trạng thái phát sinh. Trường hợp có điều chỉnh ngày hẹn trả sau khi người dân bổ sung hồ sơ hoặc thực hiện nghĩa vụ tài chính, hệ thống giải quyết thủ tục phải đồng bộ ngay ngày hẹn trả đã điều chỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tránh tiếp tục ghi nhận theo mốc cũ, dẫn đến sai lệch kết quả đánh giá đúng hạn, quá hạn; phối hợp với C12, D01 tổ chức kiểm thử nhằm đánh giá khắc phục việc chậm đồng bộ giữa các Hệ thống **từ ngày 12/10/2026 đến ngày 15/10/2026**.

- D01 chủ trì phối hợp với C12 bổ sung chức năng trích xuất tổng số và danh sách hồ sơ đã đồng bộ theo từng hệ thống của bộ, ngành, địa phương để các đơn vị đối soát với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Thông tin trích xuất phải phục vụ xác định hồ sơ, trạng thái, thời điểm gửi, nhận, phản hồi và lỗi phát sinh; làm rõ trường hợp đã nhận phản hồi thành công nhưng chưa tra cứu thấy hồ sơ hoặc trạng thái chưa khớp. **Hoàn thành trước 15/10/2026**.

2. Về Bộ Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ: D01 chủ trì phối hợp với C12 rà soát dữ liệu đầu vào, công thức và khả năng hiển thị các chỉ số trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, trao đổi với Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Bộ Tư pháp và Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ về phương án đánh giá trong giai đoạn hiện nay; việc hiển thị các chỉ số phải gắn với thống nhất nguồn dữ liệu, cách tính và thời điểm áp dụng. **Hoàn thành trước ngày 15/10/2026**.

V. Về việc triển khai chuyển đổi kết nối API từ Stateless sang Stateful trên Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP)

Căn cứ thực tiễn triển khai kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu trên Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP) trong thời gian qua. Để đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kiến trúc hệ thống, tăng cường quản lý kết nối và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, Trung tâm Dữ liệu quốc gia triển khai chuyển đổi phương thức kết nối chính thức từ Stateless sang Stateful đối với các API đang được các Bộ ngành và địa phương khai thác sử dụng.

Để bảo đảm quá trình chuyển đổi được thực hiện đồng bộ, có kiểm soát và hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, Trung tâm Dữ liệu quốc gia đề nghị các đơn vị phối hợp triển khai một số nội dung công việc như sau:

1. Rà soát, cung cấp danh sách thông tin API

- Các cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát, tổng hợp đầy đủ thông tin về các API đang cung cấp, chia sẻ và khai thác trên Nền tảng NDOP, qua đó làm cơ sở xác định phạm vi và phương án chuyển đổi kết nối, cụ thể như sau:

(1) Danh sách các API do cơ quan, đơn vị cung cấp, đang triển khai chia sẻ trên Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu; Đồng thời xác định các cơ quan, đơn vị đang khai thác dữ liệu tương ứng đối với từng API.

(2) Danh sách các API do cơ quan, đơn vị đang khai thác dữ liệu trên Nền tảng Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trong đó xác định rõ đơn vị cung cấp API, hệ thống hoặc phần mềm đang thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

(3) Thông tin về phương thức kết nối hiện tại, môi trường triển khai, hiện trạng hoạt động và các thông tin kỹ thuật cần thiết phục vụ việc đánh giá hiện trạng, xác định phạm vi và xây dựng phương án chuyển đổi đối với từng API của các đơn vị.

(Xin gửi kèm Phụ lục 5: Biểu mẫu khai báo danh sách API kèm theo)

- Trường hợp cơ quan, đơn vị không có API cung cấp, chia sẻ hoặc khai thác API trên Nền tảng NDOP, đề nghị quý đơn vị có văn bản xác nhận gửi Trung

tâm Dữ liệu quốc gia để tổng hợp, theo dõi.

2. Rà soát, chuẩn bị các điều kiện chuyển đổi

- Trên cơ sở danh sách API đã rà soát, đề nghị các cơ quan, đơn vị kiểm tra, đánh giá hiện trạng hệ thống, phần mềm và giải pháp tích hợp đang sử dụng, xác định các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng phương thức kết nối Stateful và các yêu cầu về an toàn thông tin.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng phương án điều chỉnh hệ thống, phần mềm và giải pháp tích hợp.

(Xin gửi kèm Phụ lục 6: Kế hoạch phối hợp chuyển đổi API và Phụ lục 7: Tài liệu hướng dẫn kết nối Nền tảng chia sẻ dữ liệu)

3. Phối hợp triển khai chuyển đổi

Để bảo đảm việc triển khai chuyển đổi kết nối được thực hiện thống nhất, đúng tiến độ và hiệu quả, Trung tâm Dữ liệu quốc gia đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện một số nội dung sau:

(1) Đề nghị các cơ quan, đơn vị bố trí đầu mối kỹ thuật xuyên suốt trong quá trình rà soát, cấu hình, điều chỉnh hệ thống, tích hợp, kiểm thử, chuyển đổi và xử lý các vấn đề phát sinh. Trên cơ sở danh sách API do các cơ quan, đơn vị cung cấp, Trung tâm Dữ liệu quốc gia sẽ tổng hợp, xác định phạm vi, xây dựng kế hoạch và thống nhất mốc thời gian triển khai đối với từng cơ quan, đơn vị và từng API;

(2) Các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện cấu hình, điều chỉnh hệ thống, tích hợp và kiểm thử kết nối theo phương thức Stateful theo kế hoạch đã thống nhất. Việc chuyển đổi chính thức được thực hiện sau khi các bên hoàn thành cấu hình, tích hợp, kiểm thử và thống nhất kết quả giữa các bên;

(3) Trong quá trình triển khai, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời trao đổi với Trung tâm Dữ liệu quốc gia để phối hợp xử lý;

(4) Văn bản kết quả rà soát, danh sách API và thông tin đầu mối kỹ thuật của các đơn vị xin gửi về Trung tâm Dữ liệu quốc gia **trước ngày 15/10/2026** để tổng hợp, tổ chức triển khai theo lộ trình.

VI. Tổ chức thực hiện

(1) Đề nghị các bộ, ngành, địa phương căn cứ nội dung Thông báo này, phân công đầu mối phù hợp và phối hợp triển khai theo phạm vi quản lý. Kết quả gửi Trung tâm Dữ liệu quốc gia cần nêu rõ nhiệm vụ đã hoàn thành, nhiệm vụ đang thực hiện, sản phẩm đầu ra, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, đầu mối xử lý và thời gian dự kiến hoàn thành.

(2) Trung tâm Dữ liệu quốc gia tiếp tục phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng công cụ giám sát kết nối, chia sẻ dữ liệu, công cụ phân tích, đối chiếu dữ liệu với thành phần hồ sơ để xác định nội dung có thể tự động cắt giảm; tham mưu kiểm tra trách nhiệm của đơn vị cung cấp, sử dụng dữ liệu, **hoàn thành trước ngày 15/10/2026**. Phối hợp hoàn thiện cơ chế đăng nhập qua VNeID, hạn chế yêu cầu nhập lại thông tin, mã bảo mật, tối ưu thao tác cho người dân, doanh nghiệp và cán bộ, **hoàn thành trước ngày 15/10/2026**.

(3) Trung tâm Dữ liệu quốc gia tham mưu Cơ quan thường trực phối hợp Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức khảo sát trực tiếp tại các Trung tâm phục vụ hành chính công địa phương, đánh giá kết quả triển khai thực chất, tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương **trước ngày 25/10/2026**. Đề nghị các địa phương quan tâm phối hợp, cung cấp thông tin, phản ánh khó khăn để cùng tháo gỡ, hỗ trợ triển khai.

(4) Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn về tài khoản, phân quyền, dữ liệu, kết nối hoặc chức năng hệ thống, đề nghị các đơn vị trao đổi với Trung tâm Dữ liệu quốc gia để phối hợp hỗ trợ. Trung tâm Dữ liệu quốc gia tiếp tục theo dõi, tổng hợp tiến độ, phối hợp rà soát, tháo gỡ khó khăn và cập nhật kết quả thực hiện.

Trung tâm Dữ liệu quốc gia thông báo để các cơ quan, đơn vị nắm thông tin, phối hợp thực hiện./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ CÔNG AN
TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA

Đại tá Nguyễn Thành Vĩnh

Nơi nhận:
- TK1, TK5, TK7 (để báo cáo Lãnh đạo BCA);
- Đ/c Giám đốc (để b/c);
- C06, C08, A08, V03, V06 (để phối hợp thực hiện);
- Cục Chuyển đổi số Quốc gia; Trung tâm Chuyển đổi số; Cục Thông tin, Thống kê; Văn phòng Bộ - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KSTTHC, Cục Hành Chính Tư pháp, Cục Bổ trợ tư pháp, Văn phòng Bộ, Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp;
- Cục Quản lý đấu thầu; Cục Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Cục thuế; Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể - Bộ Tài chính;
- Trung tâm chuyển đổi số Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Văn phòng Bộ - Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch;
- Văn phòng Bộ của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Trung tâm Công nghệ thông tin; Văn phòng Bộ- Bộ Xây dựng;
- Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Văn phòng Bộ - Bộ Công thương;
- Cục Chuyển đổi số; Cục Quản lý đất đai; Vụ Pháp chế; Văn phòng Bộ - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ - Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Công nghệ thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Toà án nhân dân tối cao;
- Trung tâm thông tin Y tế quốc gia; Cục Quản lý Dược; Cục An toàn thực phẩm; Cục Bảo trợ Xã hội; Văn phòng Bộ - Bộ Y tế;
- Cục Chuyển đổi số - Văn phòng Chính phủ;
- Cục Cơ yếu - Công nghệ thông tin; Văn phòng Bộ - Bộ Ngoại giao;
- Cục Việc làm, Cục người có công - Bộ Nội vụ;
- Doanh nghiệp: DTT, FPT, VIETTEL, VNPT, GTINX, Mobifone, (để p/h t/h);
- Văn phòng Uỷ ban nhân dân, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm phục vụ hành chính công của 34 tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TTDLQG(P1, P4).

(QR phụ lục kèm theo)